

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý IV năm 2009	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý năm 2009	7 - 8
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm 2009	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		585.927.693.543	368.797.387.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	160.157.710.501	30.070.979.170
1. Tiền	111		10.157.710.501	28.870.979.170
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	1.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		124.448.582.350	29.807.841.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	162.625.181.038	52.055.385.559
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(38.176.598.688)	(22.247.544.559)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.616.525.555	174.463.134.118
1. Phải thu khách hàng	131		42.185.143.219	40.067.430.135
2. Trả trước cho người bán	132		99.160.688.953	117.701.046.487
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	20.041.117.409	17.396.976.334
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(770.424.026)	(702.318.838)
IV. Hàng tồn kho	140		123.940.232.101	118.578.848.641
1. Hàng tồn kho	141	V.5	123.940.232.101	118.578.848.641
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.764.643.036	15.876.584.296
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	14.502.676.630	14.174.701.706
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		683.574.119	465.996.081
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	-	2.632.013
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1.578.392.287	1.233.254.496

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		412.915.468.245	498.508.228.021
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.307.323.381	4.542.759.665
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		7.307.323.381	4.542.759.665
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		196.858.930.502	262.186.999.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	192.790.491.504	218.945.441.853
<i>Nguyên giá</i>	222		1.065.248.096.445	1.062.254.119.126
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(872.457.604.941)	(843.308.677.273)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.801.124.796	41.797.749.482
<i>Nguyên giá</i>	228		6.437.349.921	46.278.783.869
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.636.225.125)	(4.481.034.387)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	1.267.314.202	1.443.808.043
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		205.385.418.036	227.291.593.134
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	50.471.625.700	42.919.309.657
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	163.202.898.187	243.472.408.530
Dự phòng giảm giá đầu tư tài				
4. chính dài hạn	259	V.15	(8.289.105.851)	(59.100.125.053)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.363.796.326	4.486.875.844
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	3.363.796.326	4.486.875.844
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		998.843.161.788	867.305.615.246

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		290.000.578.112	276.053.641.954
I. Nợ ngắn hạn	310		265.781.059.656	200.001.339.794
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	83.515.667.627	103.667.129.586
2. Phải trả người bán	312		60.545.463.212	58.794.179.919
3. Người mua trả tiền trước	313		13.650.106.318	939.365.001
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	53.681.954.814	925.536.997
5. Phải trả người lao động	315		9.502.148.245	4.134.229.647
6. Chi phí phải trả	316	V.19	24.233.150.650	2.737.073.119
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	20.652.568.790	28.803.825.525
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.219.518.456	76.052.302.160
1. Phải trả dài hạn người bán	331		553.140.000	556.000.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	578.632.133	1.468.464.133
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	22.165.643.622	72.920.251.079
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	-	357.684.538
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	922.102.701	749.902.410
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		700.570.444.543	570.558.624.041
I. Vốn chủ sở hữu	410		671.940.355.166	544.995.909.515
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	114.994.917.000	114.994.917.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(9.703.995.196)	(9.703.995.196)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(280.763.897)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	111.893.296.513	106.631.439.364
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	19.457.219.895	16.866.355.009
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	177.486.882	340.226.757
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	135.402.193.969	15.866.966.581
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		28.630.089.377	25.562.714.526
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	27.807.209.546	24.118.435.891
2. Nguồn kinh phí	432	V.27	84.776.114	513.181.114
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.28	738.103.717	931.097.521
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		8.272.139.133	20.693.349.251
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		998.843.161.788	867.305.615.246

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	6.276.571.429
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		548.144.663	327.449.195
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		78.032,47	38.334,40
Euro (EUR)		-	21,54
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV Năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	288.527.113.383	206.344.205.753	1.103.251.024.702	1.131.771.306.750
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	-	-	8.571.429	2.727.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	288.527.113.383	206.344.205.753	1.103.242.453.273	1.131.768.579.477
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	247.670.364.425	183.493.756.475	876.375.664.526	922.580.773.629
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.856.748.958	22.850.449.278	226.866.788.747	209.187.805.848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	14.968.715.817	9.889.809.866	41.333.332.212	27.997.985.664
7. Chi phí tài chính	22	VL4	(33.661.121.858)	44.341.065.450	(15.107.839.702)	98.631.273.048
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.887.631.101	2.880.737.697	15.815.760.756	16.328.528.626
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	2.294.848.863	3.776.959.938	19.585.673.539	18.379.015.227
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	17.037.335.198	8.770.412.557	51.080.263.009	30.202.326.536
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.154.402.572	(24.148.178.801)	212.642.024.113	89.973.176.701
11. Thu nhập khác	31	VL7	14.827.939.541	1.221.273.408	17.542.390.442	5.614.456.337
12. Chi phí khác	32	VL8	17.257.676.465	315.678.702	18.907.196.752	1.568.470.836
13. Lợi nhuận khác	40		(2.429.736.924)	905.594.706	(1.364.806.310)	4.045.985.501
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		503.119.171	1.866.302.534	1.326.239.520	(320.936.751)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.227.784.819	(21.376.281.561)	212.603.457.323	93.698.225.451
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		14.973.112.164	(9.412.345.933)	49.056.927.040	17.453.256.474
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL9	(9.733.411)	676.038.949	(357.684.538)	3.323.631.697
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.264.406.066	(12.639.974.578)	163.904.214.821	72.921.337.279
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	70		1.100.075.654	426.823.050	5.260.852.486	2.755.631.927
20. Lợi ích của Công ty	80		52.164.330.412	(13.066.797.628)	158.643.362.335	70.165.705.352

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		212.603.457.323	93.698.225.450
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		45.369.845.229	48.055.502.145
- Các khoản dự phòng	03		(35.382.041.131)	80.007.404.703
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		218.567.046	(1.430.738.155)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.974.632.732)	(26.967.298.726)
- Chi phí lãi vay	06		15.815.760.756	16.328.528.626
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		205.650.956.491	209.691.624.043
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		74.994.680.421	(55.506.927.892)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.201.648.619)	(20.513.748.641)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(52.297.080.160)	(45.983.251.611)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		795.104.594	(4.403.238.950)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(16.004.675.928)	(16.543.193.413)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.480.818.918)	(33.948.253.692)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.560.365.213	9.145.718.365
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.655.376.462)	(14.019.768.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		203.361.506.632	27.918.959.531
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(47.072.298.060)	(35.927.181.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(17.535.358.362)	1.171.885.071
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48.906.870.350)	(23.376.400.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.653.789.093	77.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.678.840.000)	(54.367.550.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		8.296.927.907	25.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.905.531.743	25.939.725.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60.337.118.029)	(8.934.521.226)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(9.703.995.196)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		313.274.305.407	205.037.636.469
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(302.849.205.955)	(223.644.015.943)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(23.394.895.666)	(93.930.334.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.969.796.214)	(122.240.709.070)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		130.054.592.389	(103.256.270.765)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.070.979.170	133.326.022.951
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		32.138.942	1.226.984
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	160.157.710.501	30.070.979.170

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc




Lê Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.

Hình thức sở hữu vốn

:

Công ty cổ phần
2.

Lĩnh vực kinh doanh

:

Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3.

Ngành nghề kinh doanh

:

Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

4. Công ty con

Đến thời điểm kết thúc niên độ tài chính được công bố ở đây Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có 02 Công ty con. Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất của niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền kiểm soát (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa	57,69	57,69
2. Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	90,98	90,98

Ngày 25 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn thực hiện thanh lý công ty con Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Thành với quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích công ty mẹ là 51%. Trên báo cáo tài chính Hợp nhất của niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo của tài chính của Công ty TNHH sản xuất thương mại Lam Thành đã được loại trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 10 của Công ty từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
 - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm từ 01% đến 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009: 17.941 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	709.248.498	1.006.063.143
Tiền gửi ngân hàng	9.448.462.003	27.864.916.027
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	150.000.000.000	1.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	150.000.000.000	1.200.000.000
Cộng	160.157.710.501	30.070.979.170

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	113.718.310.688	35.678.985.559
- Cổ phiếu	103.718.310.688	35.678.985.559
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	10.000.000.000	
Đầu tư ngắn hạn khác	48.906.870.350	16.376.400.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	40.000.000.000	15.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác – cho vay ngắn hạn	8.906.870.350	1.376.400.000
Cộng	162.625.181.038	52.055.385.559

(*) Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn tăng 68.039.325.129 đồng, trong đó tăng 69.392.070.000 đồng là do chuyển từ chỉ tiêu “Đầu tư tài chính dài hạn” các cổ phiếu của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB), Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam (BVH) và khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ Quỹ quản lý doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4).

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(38.176.598.688)	(22.247.544.559)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.127.095.593	
BHXX, BHYT phải thu		
Tiền cho vay	10.334.581.400	13.437.307.000
Phải thu CBCNV tiền vay Ngân hàng công thương Thanh Hóa (Công ty bảo lãnh)	228.599.612	228.599.612
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.978.296.670	2.054.490.000
Phải thu khác tại Công ty Lam Thành		320.893.656
Các khoản phải thu khác	2.372.544.134	1.355.686.066
Cộng	20.041.117.409	17.396.976.334

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	10.834.653.802	8.858.948.758
Nguyên liệu, vật liệu	49.936.656.761	39.045.394.997
Công cụ, dụng cụ	990.746.489	518.053.987
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.504.336.468	9.552.938.851
Thành phẩm	41.916.679.677	58.970.239.574
Hàng hóa	757.158.904	1.633.272.474
Hàng gửi đi bán		
Cộng	123.940.232.101	118.578.848.641

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu		
Thành phẩm		
Cộng	-	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối năm	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
CP kiểm tu	10.782.586.146	30.381.033.196	22.989.963.131	6.047.566.036	12.126.090.175
C cụ dụng cụ	93.229.368		93.229.368		
CP điện lưới		3.661.116.641	3.661.116.641		
Chi phí bảo hộ lao động	39.314.609		39.314.609		
CP sửa chữa phát sinh ngoài vụ	296.206.602	96.776.946	344.595.075	48.388.473	-
CP chuyển cơ cấu giống mía	1.093.846.819		620.518.890		473.327.929
CP vận chuyển		26.482.031	18.596.469	7.885.562	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.869.518.162	18.872.433.453	18.752.266.496	86.426.593	1.903.258.526
Cộng	14.174.701.706	53.037.842.267	46.519.600.679	6.190.266.664	14.502.676.630

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		2.632.013
Tiền thuế đất nộp thừa		
Cộng		2.632.013

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	774.724.295	519.588.330
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	803.667.992	595.766.221
Tài sản thiếu chờ xử lý		117.899.945
Tài sản ngắn hạn khác		
Cộng	1.578.392.287	1.233.254.496

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SON

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	218.615.705.411	768.262.072.551	53.700.871.061	21.649.662.103	25.808.000	1.062.254.119.126
Tăng trong năm						
Mua sắm mới		13.002.458.603	7.079.750.840	1.044.144.685		21.126.354.128
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.397.343.666	4.752.922.552	12.169.149.737			24.319.415.955
Phân loại lại						
Tăng khác						
Giảm trong năm						
Chuyển thành công cụ dụng cụ						
Thanh lý, nhượng bán và góp vốn đầu tư bằng tài sản	(4.550.000.000)	(15.080.490.618)	(1.675.767.750)	(874.511.724)		(22.180.770.092)
Phân loại lại						
Giảm khác (giảm do thanh lý công ty con)	(19.368.030.924)	(61.904.762)	(656.088.771)	(125.346.380)		(20.211.370.837)
Giảm khác		(59.651.835)				(59.651.835)
Số cuối năm	202.095.018.153	770.815.406.491	70.617.915.117	21.693.948.684	25.808.000	1.065.248.096.445

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SON

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	137.209.787.540	646.260.086.332	43.559.608.793	16.279.194.608		843.308.677.273
Tăng trong năm						
Khấu hao trong năm	14.550.175.991	25.283.989.692	3.266.667.479	1.962.121.389		45.062.954.551
Phân loại lại						
Khấu hao TSCĐ phức lợi	17.950.800					17.950.800
Tăng khác						
Giảm trong năm						
Chuyển sang công cụ dụng cụ						
Thanh lý, nhượng bán và góp vốn đầu tư bằng tài sản	(608.562.501)	(6.457.018.595)	(1.570.855.771)	(821.243.927)		(9.457.680.794)
Phân loại lại						
Giảm khác (giảm do thanh lý công ty con)	(5.811.289.053)	(44.708.987)	(525.725.579)	(92.573.270)		(6.474.296.889)
Số cuối năm	145.358.062.777	665.042.348.442	44.729.694.922	17.327.498.800		872.457.604.941
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	81.405.917.871	122.001.986.219	10.141.262.268	5.370.467.495	25.808.000	218.945.441.853
Số cuối năm	56.736.955.376	105.773.058.049	25.888.220.195	4.366.449.884	25.808.000	192.790.491.504

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	40.835.023.548		5.443.760.321	46.278.783.869
Tăng do mua sắm mới			247.711.000	247.711.000
XDCB hoàn thành				
Thanh lý nhượng bán	(6.200.000.000)			(6.200.000.000)
Giảm do thanh lý công ty con	(33.889.144.948)			(33.889.144.948)
Số cuối năm	745.878.600		5.691.471.321	6.437.349.921
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.935.339.686		2.545.694.701	4.481.034.387
Khấu hao trong năm	795.731.280		1.015.942.560	1.811.673.840
Thanh lý, nhượng bán	(270.634.921)			(270.634.921)
Giảm do thanh lý công ty con	(2.385.848.181)			(2.385.848.181)
Số cuối năm	74.587.864		3.561.637.261	3.636.225.125
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	38.899.683.862		2.898.065.620	41.797.749.482
Số cuối năm	671.290.736		2.129.834.060	2.801.124.796

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ		11.376.362.553	11.376.362.553		
XDCB dở dang	1.443.808.043	12.855.053.104	11.918.179.413	1.113.367.532	1.267.314.202
<i>Hệ thống tưới ngâm (Netafim- Israel)</i>		6.629.866.664	6.002.058.364	627.808.300	
<i>Văn phòng LSSV</i>	645.987.908	3.068.280.615	3.472.268.523		242.000.000
<i>Khu VH-TT LS</i>	552.216.680	206.959.475			759.176.155
<i>Nâng cấp hai nhà máy đường</i>					
<i>Các công trình khác</i>	245.603.455	2.949.946.350	2.443.852.526	485.559.232	266.138.047
Sửa chữa lớn TSCĐ					
Cộng	1.443.808.043	24.231.415.657	23.294.541.966	1.113.367.532	1.267.314.202

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại ngày 31/12/2009
		Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ %	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hoá	25A Quang Trung- TP Thanh Hóa	34,03	34,03	4.710.858.185
Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	TT Lam Sơn- Thọ Xuân- Thanh Hóa	29,79	29,79	668.082.081
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	36-38 Lạc Chính- Ba Đình- Hà Nội	32,50	32,50	9.750.000.000
Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	Xã Vạn Thắng- Nông Cống- Thanh Hóa	32,03	49,67	4.477.254.922
Công ty Cổ phần Đầu tư TM Lam Sơn	253 Trần Phú- TP Thanh Hóa	28,57	28,57	10.823.854.572
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	KCN Lễ Môn- TP Thanh Hóa	19,06	25,48	20.041.575.940
Cộng				50.471.625.700

Trong đó:

	Số cuối năm
Vốn đầu tư ban đầu	50.609.550.000
Các khoản ghi nhận theo phương pháp vốn chủ	0
<i>Quỹ Đầu tư phát triển được hưởng ở Công ty liên kết</i>	486.953.063
<i>Quỹ Dự phòng tài chính được hưởng ở Công ty liên kết</i>	77.941.992
<i>Quỹ khác được hưởng ở Công ty liên kết</i>	177.486.882
<i>Lợi nhuận sau thuế ở Công ty liên kết</i>	(880.306.237)
Cộng	50.471.625.700

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**14. Đầu tư dài hạn khác**

		Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư trái phiếu		500.000.000	500.000.000
Cho vay dài hạn		21.573.178.187	23.850.567.280
Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn		7.418.400.000	9.418.400.000
Công ty Cổ phần CG NN Lam Sơn		554.778.187	832.167.280
Công ty Cổ phần ĐTTM Lam Sơn		6.600.000.000	6.600.000.000
Công ty Cổ phần vận tải Lam Sơn		7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần	SL CP	141.129.720.000	219.121.841.250
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	190.000	1.900.000.000	1.900.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn TT	2.400.000	72.000.000.000	78.600.000.000
Trường Lam Kinh		300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần MĐ Sơn La	750.000	11.250.000.000	11.250.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	2.314.200	23.142.000.000	23.142.000.000
Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tiger Fund	3.000.000	30.300.000.000	30.300.000.000
Ngân hàng ngoại thương Việt Nam	200.000	-	21.260.000.000
Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam	250.000	-	17.682.070.000
Quỹ quản lý doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4)	3.000.000	-	30.450.000.000
Công ty Cổ phần MĐ Phan Rang	93.797		942.659.850
Công ty Cổ phần MĐ Nước Trong	97.820		978.200.000
Công ty Cổ phần TP CN TP.HCM	100.000		1.260.000.000
Công ty Cổ phần Đường Tuy Hòa	32.819		347.881.400
Công ty Cổ phần Đường La Ngà	2.382		709.030.000
Khác		2.237.720.000	-
Cộng		163.202.898.187	243.472.408.530

15. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(8.289.105.851)	(59.100.125.053)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	110.542.344	18.918.500	93.599.291	35.861.553	
Chi phí thuê đất	1.743.245.346	0	55.093.800		1.688.151.546
Chi phí thuê kho	126.000.000	0	126.000.000		0
Chi phí khác	2.507.088.154	10.512.508.113	2.270.584.373	9.073.367.114	1.675.644.780
Cộng	4.486.875.844	10.531.426.613	2.545.277.464	9.109.228.667	3.363.796.326

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	44.982.834.055	66.850.000.000
- Ngân hàng Công thương VN – CN Thanh Hóa	11.156.538.055	14.800.000.000
- Ngân hàng NN PTNT VN – CN Lam Sơn	3.826.296.000	50.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – CN Bình Dương	-	52.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – CN Thanh Hóa	30.000.000.000	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	5.205.500.000	1.545.500.000
- Công ty Cao su Thanh Hóa	-	40.000.000
- Các đối tượng khác	5.205.500.000	1.505.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2010	33.327.333.572	35.271.629.586
Cộng	83.515.667.627	103.667.129.586

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	103.667.129.586
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	380.861.878.996
Kết chuyển từ vay dài hạn	33.088.319.939
Tăng khác	239.013.633
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(379.478.674.527)
Giảm khác	(54.862.000.000)
Số cuối năm	83.515.667.627

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.473.645.021	31.654.098.206	26.965.091.450	6.162.651.777
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	23.273.000	1.166.789.195	1.168.272.500	21.789.695
Thuế xuất, nhập khẩu		503.812.052	473.757.300	30.054.752
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(786.339.169)	49.718.052.353	1.480.818.918	47.450.894.266
Thuế TNDN nộp thay nhà thầu nước ngoài	42.105.263		42.105.263	
Thuế thu nhập cá nhân	125.899.539	25.413.456	140.209.071	11.103.924
Thuế tài nguyên		4.642.400	4.000.000	642.400
Tiền thuê đất		616.831.395	616.831.395	
Các loại thuế khác, phí	44.321.330	468.881.103	508.384.433	4.818.000
Cộng	922.904.984	84.158.520.160	31.399.470.330	53.681.954.814

Trong đó	Số đầu năm	Số cuối năm
Số phải nộp	925.536.997	53.681.954.814
Số nộp thừa	(2.632.013)	-
Cộng	922.904.984	53.681.954.814

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri, phân bón	5%
Cồn	10%
Dịch vụ cho thuê kho bãi, khách sạn	10%

Sản phẩm còn được giảm 50% số thuế GTGT phải nộp từ tháng 2/2009

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	245.384.214	434.299.386
Cước vận chuyển	697.182.133	454.553.102
Chi phí khuyến mại	112.289.520	
Chi phí thuê kho, thuê đất	-	51.867.484
Tiền mua mía và các chi phí liên quan	700.167.196	635.585.486
Tiền điện, nước, điện thoại phải trả	144.387.270	314.659.990
Chi phí sửa chữa lớn		
Chi phí sửa chữa đường giao thông	30.165.000	102.000.000
Chi phí dịch vụ tư vấn, kiểm toán	498.933.000	350.700.000
Quỹ PT KH CN	21.748.205.763	
Các khoản khác	56.436.554	393.407.671
Cộng	24.233.150.650	2.737.073.119

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	
Bảo hiểm xã hội	754.396.116	867.451.620
Kinh phí công đoàn	484.361.387	333.482.738
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	472.680.334	6.473.426.735
Bảo hiểm xã hội trợ cấp cho người lao động	152.383.867	160.058.867
Quỹ CBCNV đóng góp	15.357.969.073	18.318.490.255
Các khoản phải trả khác	3.430.778.013	2.650.915.310
Cộng	20.652.568.790	28.803.825.525

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**21. Nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn người bán	553.140.000	556.000.000
Phải trả Nhà nước (hộ nghèo vay mua cổ phần)	578.632.133	578.632.133
Nhận ký quỹ dài hạn	-	889.832.000

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	20.721.577.941	71.580.811.809
- Ngân hàng Công thương CN Thanh Hóa		2.519.792.300
- Ngân hàng Sacombank CN Thanh Hóa	6.000.000.000	-
- Ngân hàng Phát triển Thanh Hóa	12.873.652.941	43.938.094.509
- Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	1.847.925.000	1.847.925.000
- Ngân hàng Sacombank CN Bình Dương	-	23.275.000.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.444.065.681	1.339.439.270
Cộng	22.165.643.622	72.920.251.079

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	72.920.251.079
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	8.104.626.411
Tăng khác (chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm)	56.637.795
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(731.428)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(33.088.319.941)
Giảm khác	(25.826.820.294)
Số cuối năm	22.165.643.622

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	357.684.538
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(357.684.538)
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	
Số cuối năm	-

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	749.902.410
Số trích lập trong kỳ	841.650.941
Số chi trong kỳ	(653.218.010)
Giảm khác	(16.232.640)
Số cuối năm	922.102.701

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

25. Vốn chủ sở hữu
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế
Số đầu năm trước	300.000.000.000	114.994.917.000			97.103.165.531	12.663.506.714	86.868.460	70.807.587.124
Cổ đông góp vốn								
Trong đó - bằng tiền								
- cổ tức								
Lợi nhuận năm trước								72.921.337.279
Trích lập các quỹ trong năm trước					8.424.685.180	4.211.299.920	132.509.743	(21.189.532.948)
Thuế TNDN được miễn giảm tăng Quỹ đầu tư phát triển					1.325.367.696			
Chia cổ tức năm trước								(105.805.364.235)
Lợi ích cổ đông thiểu số								(2.755.631.927)
Điều chỉnh các khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ					(203.626.654)	(3.217.411)	120.848.554	1.634.794.778
Các khoản khác			(9.703.995.196)		(18.122.419)	(5.234.214)		253.776.510
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)		106.631.439.364	16.866.355.009	340.226.757	15.866.966.581

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)		106.631.439.364	16.866.355.009	340.226.757	15.866.966.581
Cổ đông góp vốn								
Trong đó - bằng tiền								
- Cổ tức								
Lợi nhuận trong năm nay								163.904.214.821
Trích lập các quỹ trong năm nay								
Thuế TNDN được miễn giảm để tăng								
Quỹ đầu tư phát triển					5.608.556.614	2.804.278.307		(14.021.391.535)
Loại trừ vốn góp vào các C ty con đã chuyển sang Cty liên kết					31.935.422			(31.935.422)
Lợi ích CĐ thiểu số								
Điều chỉnh các khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ								(5.260.852.486)
Chia cổ tức năm nay					60.121.518	5.964.782	56.638.328	750.751.415
Loại trừ vốn góp khi thanh lý công ty con								(23.867.576.000)
Các khoản khác				(280.763.897)	(438.756.405)	(219.378.203)	(219.378.203)	(2.123.918.130)
								185.934.725
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	(280.763.897)	111.893.296.513	19.457.219.895	177.486.882	135.402.193.969

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	114.994.917.000	114.994.917.000
Cổ phiếu quỹ	(9.703.995.196)	(9.703.995.196)
Cộng	<u>405.290.921.804</u>	<u>405.290.921.804</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước ^(a)	6.473.426.735
Trong đó - Trả bằng tiền ^(b)	6.473.426.735
- Trả bằng cổ phiếu ^(c)	
- Bù trừ công nợ phải thu ^(c)	
- Số còn phải trả ^(d)	
Cổ tức năm nay	23.867.576.000
Trong đó - Trả bằng tiền ^(b)	23.394.895.666
- Trả bằng cổ phiếu ^(c)	
- Bù trừ công nợ phải thu ^(c)	
- Số còn phải trả ^(d)	472.680.334
Số đã trả bằng tiền ^{(b) + (b)}	<u>29.868.322.401</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	490.530	490.530
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.509.470	29.509.470
- Cổ phiếu phổ thông	29.509.470	29.509.470

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ tại doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	13.282.602.267	2.804.278.307		463.705.000		15.623.175.574
Quỹ phúc lợi	10.835.833.624	2.804.278.307	360.916	1.019.534.736	436.904.139	12.184.033.972
Cộng	24.118.435.891	5.608.556.614	360.916	1.483.239.736	436.904.139	27.807.209.546

27. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	513.181.114
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	100.000.000
Chi sự nghiệp	(476.123.200)
Giảm khác	(52.281.800)
Số cuối năm	84.776.114

28. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	931.097.521
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	
Khấu hao trong năm	(192.993.804)
Giảm khác	
Số cuối năm	738.103.717

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu**

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Tổng doanh thu	288.527.113.383	206.344.205.753	1.103.251.024.702	1.131.771.306.750
- Doanh thu bán hàng hóa	69.224.735.500	36.909.099.420	225.529.457.483	194.635.473.080
- Doanh thu bán thành phẩm	191.436.463.842	155.416.810.177	772.613.120.100	724.549.297.147
- Doanh thu bán thành phẩm khác	23.011.440.601	10.263.880.381	87.973.728.228	197.128.782.346
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.573.726.349	3.754.415.775	16.853.971.800	15.457.754.178
- Doanh thu hoạt động xây dựng	280.747.091	-	280.747.091	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:			(8.571.429)	(2.727.273)
- Chiết khấu thương mại				
- Giảm giá hàng bán				(2.727.273)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
- Hàng bán bị trả lại			(8.571.429)	
Doanh thu thuần	288.527.113.383	206.344.205.753	1.103.242.453.273	1.131.768.579.477
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	69.224.735.500	36.909.099.420	225.529.457.483	194.635.473.080
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	214.447.904.443	165.680.690.558	860.578.276.899	921.675.352.220
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	4.573.726.349	3.754.415.775	16.853.971.800	15.457.754.178
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	280.747.091		280.747.091	
2. Giá vốn hàng bán				
	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	67.764.864.679	34.401.736.876	210.283.943.240	170.072.385.464
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	174.941.104.880	145.547.905.954	649.670.433.903	738.242.551.644
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.696.349.298	3.544.113.645	16.153.241.815	14.265.836.521
Giá vốn của hợp đồng XD	268.045.568		268.045.568	
Cộng	247.670.364.425	183.493.756.475	876.375.664.526	922.580.773.629
3. Doanh thu hoạt động tài chính				
	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Lãi tiền gửi	2.872.759.627	2.077.187.567	16.068.277.955	11.095.729.956
Lãi tiền cho vay	2.404.780.977	2.516.060.948	4.160.748.476	8.222.013.150
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	43.000.000		172.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.989.831.972	3.171.726.400	10.240.411.772	6.294.212.683
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	841.790	1.430.738.155	104.807.844	1.430.738.155
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	20.239.986	125.552.738	58.628.862
Lãi thanh lý công ty con	3.843.855.814		3.843.855.814	
Lãi t lý các khoản ĐT ngắn hạn khác	(392.557.501)	-	99.892.499	-
Lãi bán hàng trả chậm	(9.000.000)	462.696.000	4.922.095.241	462.696.000
Hoàn nhập DP tài chính	(2.683.617.516)		(20.378.183)	
Cộng	14.968.715.817	9.889.809.866	41.333.332.212	27.997.985.664

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**4. Chi phí tài chính**

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí lãi vay	1.887.631.101	2.880.737.697	15.815.760.756	16.328.528.626
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-		42.610.993	
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.462.679.051	73.415.131	2.081.254.551	386.446.306
Lỗi thanh lý công ty con		-		1.750.000.000
Lỗi t lý các khoản đầu tư ngắn hạn khác	998.834.201	-	1.980.251.877	41.938.934
Lỗi t lý các khoản đầu tư dài hạn khác		25.000.000		25.000.000
DP giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(38.010.266.211)	41.132.912.622	(35.028.517.879)	79.729.759.182
Khác	-	229.000.000	800.000	369.600.000
Cộng	(33.661.121.858)	44.341.065.450	(15.107.839.702)	98.631.273.048

5. Chi phí bán hàng

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí nhân viên	1.349.455.444	1.048.912.792	6.872.315.597	5.951.797.753
Chi phí vật liệu, bao bì	6.873.410	94.099.357	130.623.365	113.913.666
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	13.872.364	192.274.767	105.411.142	441.152.742
Chi phí khấu hao TSCĐ	319.198.323	249.356.253	1.326.703.513	1.032.736.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.512.124	1.973.552.635	9.309.274.200	9.456.426.189
Chi phí bằng tiền khác	291.937.198	218.764.134	1.841.345.722	1.382.987.952
Cộng	2.294.848.863	3.776.959.938	19.585.673.539	18.379.015.227

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.117.820.152	2.175.215.800	13.305.082.234	11.588.576.429
Chi phí vật liệu quản lý	43.646.373	270.108.710	145.918.135	548.937.179
Chi phí đồ dùng văn phòng	411.963.580	283.038.185	1.181.340.947	921.080.709
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.385.612.260	1.491.207.076	4.887.711.128	5.800.003.821
Thuế, phí và lệ phí	440.963.934	175.156.959	843.611.686	828.850.199
Chi phí dự phòng	2.564.000	760.466.880	942.272.534	1.189.071.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.501.858.364	2.246.669.356	3.861.798.861	6.157.688.308
Quỹ đầu tư phát triển KH	8.314.608.438		21.872.225.763	
Chi phí bằng tiền khác	1.818.298.098	1.368.549.591	4.040.301.722	3.168.118.639
Cộng	17.037.335.198	8.770.412.557	51.080.263.009	30.202.326.536

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**7. Thu nhập khác**

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	12.569.545.059	(1.239.504)	13.742.376.228	1.038.775.980
Thu từ bán vật tư, phế liệu			1.056.466.364	
Lãi đ giá lại TSCĐ đưa đi DT dài hạn				
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	(98.188.200)		48.777.122	
Các khoản nợ không xác định được chủ			1.220.000	
Các khoản khác	2.356.582.682	1.222.512.912	2.693.550.728	4.575.680.357
Cộng	14.827.939.541	1.221.273.408	17.542.390.442	5.614.456.337

8. Chi phí khác

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, t lý	17.210.670.078	69.283.320	18.660.454.377	458.144.157
CP t lý, nhượng bán TSCĐ				
CP thanh lý vật tư, phế liệu		16.509.538		16.509.538
Thuế bị phạt, bị truy thu		31.557.995		35.355.138
Các khoản khác	47.006.387	198.327.849	246.742.375	1.058.462.003
Cộng	17.257.676.465	315.678.702	18.907.196.752	1.568.470.836

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Lũy kế từ đầu năm nay	Lũy kế từ đầu năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(9.733.411)	676.038.949	(357.684.538)	3.323.631.697

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	163.904.214.821	72.921.337.279
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	163.904.214.821	72.921.337.279
Số lượng cổ phiếu phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	29.509.470	29.689.303
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.509.470	29.689.303
Lãi trên cổ phiếu	5.554	2.456

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**VIII. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY**

Chỉ tiêu	ĐV	Năm nay	Năm trước		
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn (31/12)					
Cơ cấu tài sản					
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	58,66	42,52		
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	41,34	57,48		
Cơ cấu nguồn vốn					
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29,03	31,83		
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	70,14	65,79		
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	0,83	2,38		
Khả năng thanh toán (31/12)					
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,44	3,14		
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,20	1,84		
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,60	0,15		
	Quý IV 2009	Quý IV 2008	Năm 2009	Năm 2008	
Tỷ suất sinh lời					
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu					
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	23,65	-	19,27	8,28
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	18,46	-	14,86	6,44
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản					
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,83	-	21,28	10,80
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,33	-	16,41	8,41
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty trên Vốn chủ sở hữu	%	7,76	-	23,61	12,87

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thanh Hà

Lê Thị Huệ

Lê Văn Thanh